

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST

Ngày 13 tháng 01 năm 2022

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tiến

Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, năm sinh: 1966; Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Kim Thị L, năm sinh: 1971; Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2021 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông kết hôn với bà Kim Thị L từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn cho đến năm 1996 thì vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường hay xảy ra va chạm. Hiện nay bà L đi làm ăn ở đâu ông không rõ, bà L không cho ông biết thông tin gì về địa chỉ nơi làm việc của bà L. Đến nay đã hơn 20 năm chúng sống ly thân, không ai

quan tâm tới nhau nên ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với bà Kim Thị L.

Tại phiên tòa bị đơn bà Kim Thị L vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 30/11/2021 và đơn xin vắng mặt bà Kim Thị L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo như ông Lê Văn Đ đã trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, bà phải đi làm ăn kinh tế xa nhà nên vợ chồng ít có thời gian bên nhau, cuộc sống vợ chồng không có tình cảm nên ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 1996 cho đến nay. Nay ông Đ xin ly hôn thì bà cũng hoàn toàn nhất trí, bà L cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Do điều kiện công việc và tình hình dịch covid nên bà L không thể về Tòa án được nên bà L có đơn xin xử vắng mặt.

Về con chung: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 28/10/1990 và Lê Thị H, sinh ngày 27/10/1993, hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Ly hôn ông Đ và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ, cho ông Lê Văn Đ được ly hôn bà Kim Thị L.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ, công sức: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Ông Lê Văn Đ có đơn xin ly hôn bà Kim Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Kim Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bà Kim Thị L là bị đơn nhưng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Kim Thị L là đúng trình tự pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 1989 ông Lê Văn Đ kết hôn với bà Kim Thị L trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vì kinh tế khó khăn nên bà L đã đi làm kinh tế từ năm 1996 cho đến nay và không cho ông Đ biết địa chỉ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông Lê Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với bà Kim Thị L. Xác minh tại UBND xã B cho biết hiện nay bà L bỏ đi làm ăn xa đã nhiều năm nay không cho ông Đ biết địa chỉ, hiện nay bà L cũng không có mặt ở địa phương, thi thoảng gia đình có công việc thì anh Kim Văn Sơn là em trai bà L liên hệ với bà L qua điện thoại. Bà Kim Thị L có bản tự khai gửi Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường với nội dung cũng đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ và việc bà L đồng ý ly hôn là tự nguyện vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L có 02 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 28/10/1990 và Lê Thị H, sinh ngày 27/10/1993, hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Ly hôn ông Đ và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho ông Lê Văn Đ được ly hôn với bà Kim Thị L.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Ông Lê Văn Đ và bà Kim Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005264 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Ông Đ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải